

Số: /QĐ-KSBT

Thái Nguyên, ngày tháng 08 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2025
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên
(Sau sắp xếp, tổ chức bộ máy)**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 18/9/2018 của Bộ tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-SYT ngày 12/08/2025 của Sở Y tế Thái Nguyên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (Sau sắp xếp, tổ chức bộ máy);

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-SYT ngày 12/8/2025 của Sở y tế Thái Nguyên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (Sau sắp xếp, tổ chức bộ máy).

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2025 (kinh phí giao đầu năm) của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên.

1. Kinh phí thường xuyên: 62.773.000.000 đồng (**Sáu mươi hai tỷ, bảy trăm bảy mươi ba triệu đồng chẵn.**).

Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Số tiền (VNĐ)
Kinh phí thường xuyên thực hiện tự chủ	423	130	131	53.842.000.000
Kinh phí thường xuyên không thực hiện tự chủ				8.931.000.000
- Kinh phí sự nghiệp y tế	423	130	131	8.750.000.000
- Kinh phí sự nghiệp y tế	423	130	134	155.000.000
- Kinh phí sự nghiệp y tế	423	130	139	26.000.000

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

2. Kinh phí vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu NSNN: 3.488.000.000 đồng (**Ba tỷ bốn trăm tám mươi tám triệu đồng chẵn.**).

Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Số tiền (VNĐ)
Dự toán vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu NSNN	423	130	139	3.488.000.000
Dự án “Dự phòng, chăm sóc và điều trị HIV/AIDS kết nối giữa cộng đồng và trại giam” tại Thái Nguyên do Quỹ Chăm sóc sức khỏe AIDS Hoa Kỳ (AIDS Healthcare Foundation – AHF) tài trợ				797.000.000
Dự án Nghiên cứu mở rộng chương trình tư vấn giảm uống rượu bia để dự phòng HIV tại Việt Nam, thử nghiệm ngẫu nhiên có đối chứng theo cụm – tại tỉnh Thái Nguyên (tên viết tắt: EBAI) do tổ chức University of North Carolina (UNC) viện trợ				254.000.000
Dự án “Tăng cường hệ thống y tế cơ sở và sự tham gia của cộng đồng trong phòng chống các bệnh tim mạch rối loạn chuyển hóa” do tổ chức PATH viện trợ				2.437.000.000

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính - Kế toán và Trưởng các khoa, phòng liên quan thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TC-KT (Linh 02b).

GIÁM ĐỐC

Hoàng Anh

PHỤ BIỂU

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KSBT ngày tháng 08 năm 2025 của Trung tâm
Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên)

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	Số tiền
I	Kinh phí thực hiện tự chủ	423	130	131	53.842.000.000
1	Quỹ tiền lương của biên chế được giao				48.216.000.000
2	Chi khác cho biên chế được giao				5.362.000.000
3	Chi cho lao động hợp đồng theo Nghị định số: 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ				264.000.000
II	Kinh phí không thực hiện tự chủ				8.931.000.000
1	Chi cho lao động hợp đồng theo Nghị định số: 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	423	130	131	821.000.000
2	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính Phủ	423	130	131	2.884.000.000
3	Kinh phí hỗ trợ hoạt động chuyên môn	423	130	131	3.550.386.000
	Hỗ trợ hoạt động các chương trình Y tế dân số				1.957.000.000
	Xuất bản tạp trí Y dược học + Truyền thông tuyên xã, bản tin y tế				119.000.000
	Kinh phí thực hiện kiểm tra, giám sát (ngoại kiểm) về chất lượng nước sạch tại các cơ sở cung cấp nước tập trung và các công trình cấp nước nông thôn theo Quy chuẩn địa phương				226.000.000
	Hỗ trợ kinh phí vắc xin đại cho người nghèo				500.000.000
	Kế hoạch đảm bảo kinh phí cho các hoạt động phòng chống HIV/AIDS				748.386.000
4	Kinh phí mua sắm, sửa chữa, bảo quản tài sản				160.000.000
	Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị y tế, tài sản khác (hỗ trợ để sửa chữa bảo dưỡng tuyến huyện xã dự phòng)	423	130	131	50.000.000
	Kinh phí sửa chữa xe ô tô	423	130	131	90.000.000
	Kinh phí phòng chống cháy nổ, bảo hiểm phòng chống cháy nổ	423	130	139	20.000.000
5	Kinh phí thực hiện, duy trì các đề án, chương trình				1.509.614.000
	Thực hiện các hoạt động thuộc Đề án 5628	423	130	131	91.000.000
	Duy trì các chương trình theo Chương trình mục tiêu Y tế dân số				1.418.614.000

	<i>giai đoạn 2016-2020</i>				
		<i>423</i>	<i>130</i>	<i>131</i>	<i>1.263.614.000</i>
		<i>423</i>	<i>130</i>	<i>134</i>	<i>155.000.000</i>
6	Kinh phí hỗ trợ thực hiện các hoạt động điểm,, sự kiện lớn của ngành năm 2025				6.000.000
	<i>Kinh phí tổ chức các hoạt động chào mừng 70 năm ngày thầy thuốc Việt Nam</i>	<i>423</i>	<i>130</i>	<i>139</i>	<i>6.000.000</i>